

VÀI NÉT VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ NHÌ HÀ*

1. Vấn đề và phương pháp nghiên cứu

1.1. Nghiên cứu khoa học của giảng viên

Chúng ta biết rằng “Nâng cao trình độ và năng lực của giảng viên (GV), cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ trong trường đại học (ĐH)” là việc làm cấp thiết nhằm thúc đẩy hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường năng lực nghiên cứu. Qui định hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) trong các trường ĐH cũng đã chỉ rõ “*Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên. Giảng viên có trách nhiệm dành ít nhất là 30% định mức thời gian làm việc cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH). Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ phải đi đầu trong công tác nghiên cứu khoa học, có trách nhiệm định hướng nghiên cứu, tổ chức tập hợp giảng viên, nghiên cứu sinh cùng tham gia nghiên cứu khoa học để xây dựng các tập thể khoa học*”. Như vậy GV phải có trách nhiệm thực hiện giảng dạy và NCKH.

Trong bài viết này, chúng tôi trình bày một số kết quả nghiên cứu đánh giá về mức độ nhận thức, việc vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học (PPNCKH), việc đầu tư thời gian và kết quả NCKH của GV, nhằm tìm biện pháp quản lí nâng cao chất lượng NCKH của Trường .

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là mức độ nhận thức và tình hình NCKH của GV Trường ĐHSP TP.HCM. Thông qua phiếu điều tra, chúng tôi quan sát và tìm hiểu tình hình NCKH tại Trường. Tổng số 120 phiếu bao gồm : 50 phiếu phát ra cho cán bộ quản lí, 70 phiếu cho giảng viên tại các phòng chức năng, viện và các khoa đào tạo của Trường ĐHSP Tp.HCM. Số phiếu thu vào là 90 phiếu (trong đó có phiếu của 38 cán bộ quản lí là Ban Giám hiệu, Trưởng, Phó phòng, khoa và bộ môn, 52 GV của

* ThS, Phòng KHCN-SĐH, Trường ĐHSP Tp.HCM

Trường ĐHSP Tp.HCM. Giới tính/tuổi : Nam : 50 ; Nữ : 40 (dưới 40 : 17 ; từ 40-49 : 32 ; từ 50-59 : 38 ; từ 60 trở lên : 3). Chức vụ : Hiệu phó : 1 ; Trưởng khoa : 7 ; Phó khoa : 8 ; Tổ trưởng bộ môn : 16, Trưởng, phó phòng 6.

Để xem xét kết quả về nhận thức của GV về NCKH và mức độ cần thiết của việc nắm vững PPNCKH để nhìn đánh giá khách quan hơn về tình hình NCKH của GV, chúng tôi đưa ra câu hỏi khách quan với thang điểm từ thấp đến cao (1,2,3,4) và chọn 4 mức độ để đánh giá sự nhất trí của khách thể nghiên cứu (1.0 đến cận 1.5 là mức thấp ; 1.5 đến cận 2.5 mức trung bình ; 2.5 đến cận 3.5 mức khá ; 3.5 đến 4 mức cao).

Sau đây là một số kết quả điều tra.

2. Kết quả nghiên cứu

NCKH là một trong 2 nhiệm vụ chính của GV ĐH, kết quả NCKH phụ thuộc vào khách thể nhận thức được tầm quan trọng của nó. Sau đây là những đánh giá của CBQL và GV về các nội dung :

2.1. Thực trạng nhận thức và mức độ quan tâm của GV đối với NCKH

2.1.1. Mức độ nhận thức về NCKH của GV

Kết quả điều tra cho thấy có 73.5% ý kiến cho rằng NCKH là “Cần thiết”. Các cán bộ, GV của Trường đánh giá cao về mức độ cần thiết của NCKH. Điều này cũng phù hợp với qui định về chức năng và nhiệm vụ của GV cũng như nhà trường trong đào tạo và NCKH là một trong 2 nhiệm vụ chính của trường đại học.

2.1.2. Mức độ nhận thức của GV về việc nắm vững PPNCKH

Số liệu cho thấy rằng GV và CBQL đánh giá sự cần thiết của việc nắm vững PPNCKH để đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghiên cứu có mức độ nhận thức khả quan : Rất cần thiết 60 (69.8 %), Cần thiết 25 (29.1%) và Không cần thiết 1 (1.2%). Kết quả trên cho thấy gần 2/3 số khách thể được hỏi trả lời việc nắm vững PPNCKH để đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghiên cứu là “Rất cần thiết”. Như vậy, đa số cán bộ quản lý và giảng viên xác định đúng và coi đây là công cụ quan trọng để thực hiện được nhiệm vụ của người làm công tác đào tạo và NCKH trong trường đại học. Tuy nhiên, còn 1.2% ý kiến cho là “Không cần thiết nắm vững”.

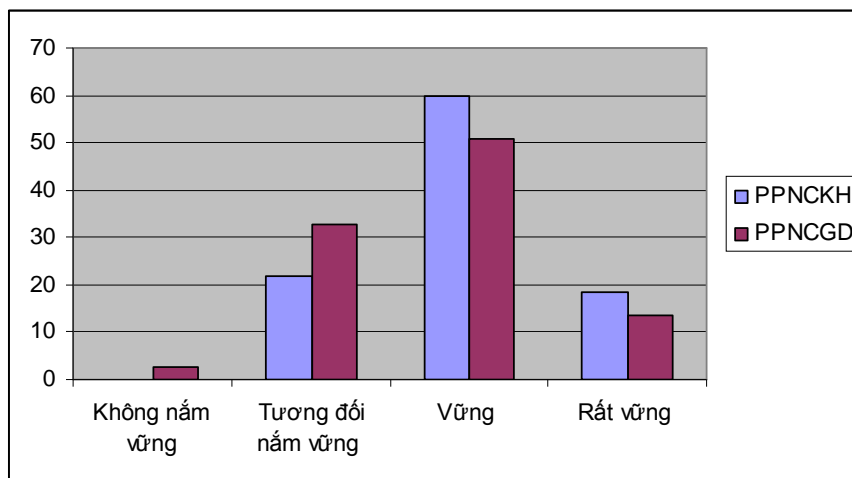
2.1.3. Mức độ giảng viên nắm vững PPNCKH

Bảng 1 : Mức độ giảng viên nắm vững PPNCKH

Mức độ	PPNCKH chung		PPNC KHGD	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1. Nắm rất vững	16	18.4	10	13.7
2. Nắm vững	52	59.8	37	50.7
3. Tương đối nắm vững	19	21.8	24	32.9
4. Không nắm vững	0	0	2	2.7
Tổng cộng	87	100.0	73	100.0

Trên bảng 1 kết quả cho thấy mức độ nắm vững PPNCKH chung của cán bộ cao hơn là PPNCKHGD 13.8 %. Cũng còn khoảng 21.8% đến 32.9% cán bộ cho rằng nắm tương đối vững PPNCKH. Đặc biệt còn 2.7% cán bộ không nắm vững PPNCKHGD. Điều này sẽ ảnh hưởng phần nào đến NCKHGD của Trường.

Biểu đồ 1 : Biểu đồ biểu diễn các mức độ % theo từng PP NCKH



Tương tự, quan sát biểu đồ 1 kết quả “nắm tương đối vững” phương pháp nghiên cứu về KHGD là 32.9 % so với PPNCKH 21.8%. Kết quả cho thấy cán bộ giảng viên của trường nắm vững PPNCKH chung cao hơn nắm vững PPNCKHGD.

2.2. Tình hình NCKH của GV

Kết quả thực hiện NCKH của GV phụ thuộc vào nhiều yếu tố : điều kiện làm việc, công tác quản lí, nhận thức, năng lực, ... Tuy nhiên, điều cốt lõi chính là quỹ thời gian và mức độ đầu tư của chính bản thân GV trong thực hiện nhiệm vụ này.

2.2.1. Mức độ GV đầu tư thời gian công sức cho NCKH

Các ý kiến trả lời về câu hỏi “Mức độ đầu tư thời gian công sức cho NCKH của GV” kết quả phân tích như sau:

Bảng 2 : Giảng viên đầu tư thời gian công sức cho NCKH

	CBQL			GV		
	Số lượng	Tỉ lệ %	Trung bình	Số lượng	Tỉ lệ %	Trung bình
1. Rất nhiều	0	0	1.89	2	3.9	2.15
2. Nhiều	5	13.5		13	25.5	
3. Mức trung bình	23	62.2		27	52.9	
4. Rất ít	9	24.3		9	17.6	
Tổng	37	100.0		51	100.0	

Kết quả trên bảng 2 cho thấy mức độ đầu tư công sức cho NCKH của GV theo đánh giá của CBQL $1.89 < 2$ dưới mức trung bình. GV tự đánh giá là mức trung bình 2.15. GV tự đánh giá chỉ có 3.9% cho là đầu tư “rất nhiều” thời gian, thậm chí có 24.3% CBQL đánh giá GV đầu tư “ít thời gian”. Kết quả trên cũng phù hợp với thực tiễn quan sát. Theo ý kiến của phòng Đào tạo “Thực trạng số cán bộ dạy vượt giờ chuẩn khá nhiều, có những GV dạy vượt gấp đôi số giờ chuẩn 280 tiết”. Qua hội nghị công chức hàng năm, đánh giá số giờ trung bình giảng dạy của GV khá cao, phần lớn thời gian GV đầu tư cho công tác giảng dạy là chính. Số giờ dành cho nghiên cứu chiếm một tỉ lệ không đáng kể cũng xuất phát từ nghiên cứu này.

2.2.2. Mức độ nắm PPNCKH

Ý kiến thu được về “Mức độ GV nắm PP NCKH” như sau:

Bảng 3 : Mức độ nắm PP NCKH (N= 90)

Nội dung	Trung bình		Thứ bậc	
	CBQL	GV	CBQL	GV
1. GV biết xác định đúng đối tượng NCKH	2.91	2.94	1	1
2. GV biết xác định đúng khách thể nghiên cứu	2.88	2.92	2	3
3. GV phác thảo các bước nghiên cứu đề tài	2.77	2.92	3	2
4. GV biết soạn thảo công cụ nghiên cứu phù hợp đề tài NC	2.66	2.84	4	4
5. GV chọn mẫu khảo sát phù hợp với thực tế	2.83	2.77	5	5
6. GV nghiên cứu đảm bảo tiến độ thời gian	2.05	2.34	6	6

Khảo sát đánh giá mức độ GV nắm PP NCKH tại bảng 3 cho thấy có điểm trung bình đánh giá từ 2.05 đến 2.94 khá. So sánh mức độ đánh giá của CBQL với GV thì thứ bậc đánh giá từ 1 đến 6 tương đối đồng nhất. “GV biết xác định đúng đối tượng NCKH” đánh giá (thứ bậc 1), điểm trung bình CBQL đánh giá là $2.91 < 3.5$ ở mức khá. “GV nghiên cứu đảm bảo tiến độ thời gian” (thứ bậc 6). Kết quả này cũng phù hợp với thực tế quản lý đề tài của Trường. Hàng năm số đề tài thực hiện trễ hạn là 20.9% và mức độ đánh giá thực hiện chỉ đạt mức trên trung bình không đáng kể 0.05. Do đó, công tác quản lý giao nhiệm vụ nghiên cứu trường cần phải có qui định chặt chẽ và cụ thể hơn trong việc phân công giờ dạy và giờ NC tại các đơn vị đào tạo.

2.2.3. Mức độ kết quả NCKH của GV

GV đánh giá hoạt động “NCKH đã hỗ trợ tốt cho bồi dưỡng chuyên môn” ở mức khá 3.24 và “NCKH đã hỗ trợ cho công tác đào tạo” ở mức 2.88. Đánh giá của GV và CBQL gần như thống nhất. Điều này cho thấy GV đánh giá cao hoạt động NCKH, nó đã đem lại lợi ích thiết thực cho GV trong việc nâng cao trình độ và năng lực nghiên cứu của họ. Như vậy nếu giao nhiệm vụ NCKH một cách có trọng tâm trọng điểm sẽ là điều kiện tốt cho trường nâng cao chất lượng đội ngũ. Khi chất lượng đội ngũ được nâng cao đến lượt nó lại là nguyên nhân thúc đẩy quá trình NCKH.

Trường hàng năm cần tạo điều kiện cho GV trẻ học tập nâng cao trình độ bằng nguồn kinh phí tự có và tạo điều kiện đăng kí thực hiện đề tài NC. Theo số liệu từ phòng KHCN&SDH, từ năm 2001 đến năm 2005 có 166 GV làm chủ nhiệm đề tài thực hiện 212 đề tài cấp Bộ, cấp trường đã nghiệm thu trong đó đã có 45 (27.1%) GV nâng trình độ về chức danh khoa học, có 5 GV (3.01%) trình độ từ CN lên ThS. 30 GV (18.07%) từ ThS lên TS và có 10 TS (6.02%) được phong học hàm PGS, GS [4]. Số liệu này cho thấy kết quả GV thực hiện nghiên cứu có tác dụng trong việc nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ GV trong trường. Tuy nhiên, kết quả này còn khá khiêm tốn.

3. Kết luận

Đa số GV có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ của NCKH và nắm vững các PPNCKH, điều đó thuận lợi cho Trường trong tổ chức và triển khai NCKH trong toàn trường. Tuy nhiên, Trường cần quan tâm chất lượng tuyển đầu vào giảng viên trẻ phải có năng lực khá trở lên và có thành tích NCKH để thực hiện nhiệm vụ NCKHGD do Bộ GD&ĐT giao.

Có thể nói, đầu tư của GV cho NCKH chỉ ở mức trung bình. Vẫn còn 17.6% GV tự đánh giá cho rằng “rất ít” đầu tư thời gian cho NCKH, nguyên nhân chính do số giờ giảng dạy vượt chuẩn khá cao. GV có kỹ năng nghiên cứu ở mức độ khá, tuy nhiên về tiến độ thực hiện đề tài được đánh giá là chậm so với qui định. Do vậy, việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ NC cần phải cân đối hợp lí giữa thời gian giảng dạy và NC và các nhiệm vụ khác khi Trường, Khoa, tổ xem xét cho GV thực hiện đề tài NC. Đồng thời khoa, tổ bộ môn cần tổ chức cho cán bộ trẻ tham gia nghiên cứu dưới sự hướng dẫn cán bộ đầu ngành để năng lực nghiên cứu của giáo viên được nâng cao.

NCKH đã có tác dụng tốt cho việc bồi dưỡng chuyên môn và cho hoạt động đào tạo của Trường, tuy nhiên hiệu quả NCKH áp dụng trong thực tiễn chỉ đạt mức trung bình. Trong khâu xét duyệt, Hội đồng KH&ĐT cần xét đến tính khả thi và tính thực tiễn của đề tài. Trong quản lí cần chú trọng xây dựng chế độ khuyến khích cán bộ NCKH.

Cấp khoa cần xây dựng, theo dõi triển khai kế hoạch NCKH cho các GV, tạo điều kiện cho GV NCKH. Giảng viên lập kế hoạch NCKH trong năm và giai

đoạn, đồng thời thông báo kế hoạch NC trước tổ bộ môn và cân đối hợp lý giờ dạy và nghiên cứu để đảm bảo tiến độ thực hiện nhiệm vụ NC.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (19/2005/QĐ-BGD&ĐT), *Quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.*
- [2]. Hoàng Thị Nhị Hà (2/2006), *Tìm hiểu quản lý chất lượng nghiên cứu khoa học ở các trường đại học sư phạm*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, Số 5, Viện CL&CT GD, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3]. Hoàng Thị Nhị Hà (2006), *Khảo sát qui trình quản lý nội dung đề tài NCKH tại Trường ĐHSP Tp.HCM*, Báo cáo tổng kết nghiệm thu đề tài cấp Trường, mã số CS.2004.23.73.
- [4]. Trường ĐHSP TP.HCM, *Báo cáo tổng kết KHCN giai đoạn 2001-2005*, Phòng KHCN –SDH.

Tóm tắt

Vài nét về tình hình NCKH giảng viên trường ĐHSP TP.HCM

Bài viết nêu kết quả đánh giá thực trạng NCKH GV ĐHSP TP.HCM về mức độ các mặt nhận thức, đầu tư thời gian, sử dụng phương pháp nghiên cứu và kết quả NCKH, nhằm tìm ra giải pháp quản lý nâng cao chất lượng NCKH của GV.

Abstract

Investigation on doing scientific research by lectures at Ho Chi Minh City Pedagogy University

The article is about the status of doing scientific research by lectures at Ho Chi Minh City Pedagogy University. Awareness of the importance of reasearch in university, time consuming, methodology using and their research results are investigated. These findings are basis to find out some solutions to raise the quality of doing research by lectures.